

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN,  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST

Ngày 10 – 02 – 2025

V/v tranh chấp HĐ về hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Bà Đoàn Thị Sim

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Tấn Thiên – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 556/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng về hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1974 và ông Trần Văn L; Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Lê Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 15/9/2022 âm lịch, bà Nguyễn Thị N1 có mở dây hụi 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần vào ngày 15 hàng tháng, hụi hưởng hoa hồng, dây hụi có 30 chân, chị tham gia chơi một chân. Việc chơi hụi có lập hợp đồng tham gia tổ hùn vốn nhưng không có chính quyền, địa phương xác nhận. Quá trình giao dịch hụi, chị đã tham gia đóng hụi sống đến kỳ khai hụi thứ 13 (nhằm ngày 10/10/2023 âm lịch) thì bà N1 tuyên bố đình hụi nên hai bên đối chiếu thống nhất số tiền hụi sống của chị đóng được là 25.000.000 đồng. Sau đó, bà N1 cùng chồng là ông Trần Văn L có trả được cho chị số tiền 5.000.000 đồng nhưng số tiền còn nợ lại đến nay chưa trả nên chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N1 trả tiền hụi bằng với tiền hụi chết là 39.000.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng vợ chồng bà N1 đã trả, số tiền còn nợ lại là 34.000.000 đồng. Nay tại tòa, chị thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà N1, ông L cùng có trách nhiệm trả một lần cho chị hết số tiền còn nợ lại bằng với số tiền hụi sống chị đã đóng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu

đồng) sau khi đã đòi trừ số tiền hui bà N1, ông L đã trả vì đây là nợ chung của bà N1, ông à. Ngoài ra, chị không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Đối với bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Văn L (bị đơn) tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông, bà không đến Toà, cũng không gửi văn bản đề nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên xét xử không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng về hui. Quá trình thực hiện thỏa thuận về hui, nguyên đơn trình bày đã đóng hui đến ngày 10/10/2023 (AL) thì bị đơn tuyên bố đình hui nhưng bị đơn chỉ trả được số tiền hui nguyên đơn đã đóng là 5.000.000 đồng, số tiền hui còn nợ lại đến nay bị đơn không trả nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian mở hui, thời gian đình hui, số chân hui nguyên đơn tham gia, số kỳ hui nguyên đơn đã đóng cũng như số tiền hui bị đơn còn nợ và số tiền hui đã trả được cho nguyên đơn sau khi đình hui là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự.

Dù rằng việc mở dây hui ngày 15/9/2022 (AL) không có đăng ký với chính quyền địa phương, nhưng bị đơn có lập hợp đồng tham gia tổ hùn vốn và sau khi tuyên bố đình hui, theo trình bày của nguyên đơn thì vợ chồng bị đơn có trả được số tiền 5.000.000 đồng đều đó chứng minh vợ chồng bị đơn thống nhất cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào hợp đồng tham gia tổ hùn vốn cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, có cơ sở xác định nguyên đơn đã tham gia chơi hui do bị đơn mở vào ngày 15/9/2022 âm lịch và bị đơn hiện còn nợ nguyên đơn số tiền hui là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về thời gian thanh toán, tuy nguyên đơn có yêu cầu nhưng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét trong vụ án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N.**

Buộc bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Văn L cùng có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Ninh số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày chị Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Văn L cùng bà Nguyễn Thị N1 không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

**2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.**

Bà Nguyễn Thị N1, ông Trần Văn L phải chịu số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng, chưa nộp).

Chị Lê Thị N không phải chịu. Ngày 11/11/2024, chị N đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 850.000 đồng (tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003521 được trả lại toàn bộ cho chị N.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)  
Lâm Hoài Ân**